

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP
KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại 31 tháng 12 năm 2022	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	14 - 35
8. Phụ lục	36 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ được thành lập theo Quyết định số 4553/QĐ-UB ND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ về việc chuyển Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu thuộc Công ty Nông sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800632306, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22 tháng 10 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
- Điện thoại : (0292) 3.841.289
- Fax : (0292) 3.841.116

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm giống và kỹ thuật thủy sản đặt	Tổ 7, ấp Mái Dầm, xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ – Chi nhánh Thủy sản Đại Ngãi	Thửa đất số 1243, tờ bản đồ số 04, cồn nổi số 2, xã Song Phụng, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; chế biến bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn; sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu; chế biến, bảo quản rau quả; nuôi trồng thủy sản nội địa; nuôi trồng thủy sản biển; sản xuất giống thủy sản; chăn nuôi gia cầm; chăn nuôi lợn; chăn nuôi trâu, bò; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất dầu, mỡ động vật, thực vật; mua bán xuất nhập khẩu thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản, bột cá, dầu mỡ, mỡ cá và các mặt hàng nông, lâm sản nguyên liệu, động vật sống khác; mua bán thủy sản tươi, đông lạnh, qua chế biến và các mặt hàng thực phẩm khác; mua bán phế liệu, phế phẩm ngành thủy sản; kinh doanh vật tư, thiết bị, công cụ phục vụ ngành chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; hoạt động tư vấn kỹ thuật về nuôi trồng thủy sản; hoạt động môi giới thương mại; vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng ô tô tải thông thường, xe chuyên dụng, xe container; cho thuê xe có động cơ; cho thuê kho lạnh bảo quản nông, thủy hải sản, thực phẩm; kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà, văn phòng, mặt bằng, bến bãi, nhà xưởng, nhà kho; sản xuất bột cá, dầu cá, mỡ cá, từ phế liệu, phế phẩm ngành thủy sản; dịch vụ lưu trú ngắn ngày; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Chí Thảo	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Võ Đông Đức	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Lê Huỳnh Thanh Trúc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Võ Thị Thúy Nga	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Thanh Giang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lý Quốc Tuấn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Hồ Thị Cẩm Huỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Khánh Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Võ Đông Đức	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Chí Thảo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Lê Thành Được	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 5 năm 2010
Ông Nguyễn Thanh Giang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Phan Hoàng Duy	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2022
Bà Võ Thị Thúy Nga	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2017
Ông Nguyễn Trí Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2020
		Bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Võ Đông Đức – Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

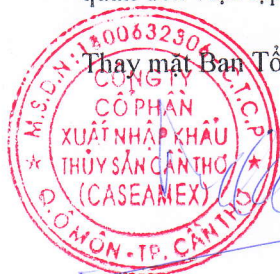
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Võ Đông Đức
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

Số: 4.0201/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2023, từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		811.393.423.202	587.724.545.885
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16.377.180.552	14.184.964.712
1. Tiền	111		16.377.180.552	14.184.964.712
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		88.500.000.000	40.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	88.500.000.000	40.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		242.863.224.837	273.687.837.608
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	237.944.358.506	272.265.608.604
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	2.031.417.200	9.410.150.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.887.449.131	5.433.199.280
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	-	(13.421.120.276)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		443.539.159.571	247.340.988.291
1. Hàng tồn kho	141	V.7	443.539.159.571	247.340.988.291
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.113.858.242	12.510.755.274
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	6.509.252.255	1.519.633.534
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.604.605.987	10.991.121.740
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		202.156.439.937	193.188.410.262
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	14.023.553.755
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	-	14.023.553.755
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		81.264.751.620	74.466.414.056
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	61.193.605.796	53.463.218.380
- Nguyên giá	222		253.308.835.967	235.770.164.015
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(192.115.230.171)	(182.306.945.635)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	20.071.145.824	21.003.195.676
- Nguyên giá	228		26.915.740.855	26.915.740.855
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.844.595.031)	(5.912.545.179)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		113.931.490.810	98.958.916.548
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	113.931.490.810	98.958.916.548
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.960.197.507	5.739.525.903
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	6.960.197.507	5.739.525.903
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.013.549.863.139	780.912.956.147

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		761.902.567.397	549.136.060.036
I. Nợ ngắn hạn	310		761.902.567.397	540.929.916.886
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	179.324.124.074	109.346.434.131
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	116.884.413.366	96.614.914.982
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	13.364.441.242	4.440.989.136
4. Phải trả người lao động	314	V.15	23.286.200.578	15.340.770.929
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	10.731.353.788	14.709.309.313
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	34.661.013.326	31.115.964.673
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	377.529.300.000	267.584.037.525
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	6.121.721.023	1.777.496.197
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	8.206.143.150
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	-	8.206.143.150
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		251.647.295.742	231.776.896.111
I. Vốn chủ sở hữu	410		251.647.295.742	231.776.896.111
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20a	150.923.260.000	150.923.260.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.923.260.000	150.923.260.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20a	56.789.552.000	56.789.552.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.20a	(9.508.163.000)	(9.508.163.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20a	2.508.094.861	2.508.094.861
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.20a	11.310.673.465	9.572.983.535
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20a	39.623.878.416	21.491.168.715
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.263.544.915	21.491.168.715
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		37.360.333.501	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.013.549.863.139	780.912.956.147

TP. Cần Thơ, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Thị Tuyết Hồng
Người lậpNguyễn Khắc Chung
Kế toán trưởngVõ Đông Đức
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

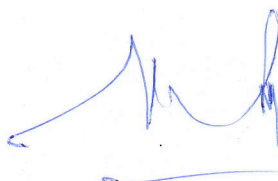
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.325.161.024.887	957.305.229.218
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	10.468.080.460	10.618.006.200
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.314.692.944.427	946.687.223.018
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.045.535.903.608	756.597.985.475
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		269.157.040.819	190.089.237.543
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	22.793.338.599	4.834.384.336
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	29.466.644.284	22.582.103.744
Trong đó: chi phí lãi vay	23		18.551.242.987	20.245.711.844
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	172.333.922.946	134.565.691.078
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	33.049.055.890	15.542.265.920
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		57.100.756.298	22.233.561.137
11. Thu nhập khác	31	VI.8	4.187.717	4.545.455
12. Chi phí khác	32	VI.9	212.123.598	15.523.301
13. Lợi nhuận khác	40		(207.935.881)	(10.977.846)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		56.892.820.417	22.222.583.291
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	13.450.572.160	4.447.621.319
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>43.442.248.257</u>	<u>17.774.961.972</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>2.847</u>	<u>1.165</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>2.847</u>	<u>1.165</u>


Nguyễn Thị Tuyết Hồng
Người lập

Nguyễn Khắc Chung
Kế toán trưởng

TP. Cần Thơ, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Võ Đông Đức
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.343.649.458.678	893.204.412.246
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.178.437.413.937)	(699.595.196.615)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(97.451.380.795)	(76.313.156.887)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	VI.5	(18.551.242.988)	(20.245.711.844)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.14	(4.934.603.258)	(2.187.630.560)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		60.231.479.063	71.172.238.339
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(114.989.073.516)	(106.640.009.102)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10.482.776.753)	59.394.945.577
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(35.455.483.465)	(2.807.597.279)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		241.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(48.500.000.000)	(20.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	1.930.000.000	1.100.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(81.784.483.465)	(21.707.597.279)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18a	1.076.850.549.623	718.669.557.879
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a	(965.153.925.270)	(752.830.440.354)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20d	(18.377.274.430)	(2.535.874.963)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>93.319.349.923</i>	<i>(36.696.757.438)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.052.089.705	990.590.860
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	14.184.964.712	12.874.000.628
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.140.126.135	320.373.224
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	16.377.180.552	14.184.964.712

TP. Cần Thơ, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Thị Tuyết Hồng
Người lập

Nguyễn Khắc Chung
Kế toán trưởng



Võ Đông Đức
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, thủy sản xuất khẩu; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Cho thuê nhà xưởng, nhà kho; Gia công chế biến các mặt hàng thủy sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm giống và kỹ thuật thủy sản đặt	Tổ 7, ấp Mái Dầm, xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ – Chi nhánh Thủy sản Đại Ngãi	Thửa đất số 1243, tờ bản đồ số 04, cồn nổi số 2, xã Song Phụng, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 701 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 685 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thường xuyên giao dịch là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng bằng sông Cửu Long (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thường xuyên giao dịch là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng bằng sông Cửu Long (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định được ghi nhận theo thực tế phát sinh và được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 15
Tài sản cố định khác	04 - 08

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

14. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng bán đã tiêu thụ từ năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại hoặc giảm giá thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại hoặc giảm giá hàng bán phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản trả lại hoặc giảm giá hàng bán phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ có thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	830.389.568	117.708.193
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.546.790.984	14.067.256.519
Cộng	16.377.180.552	14.184.964.712

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Ngắn hạn</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	88.500.000.000	88.500.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
Cộng	88.500.000.000	88.500.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Sea International	-	29.163.848.716
NP - USA INC	175.471.957.574	127.830.830.400
GF Seafood Corp	-	20.483.906.940
Các khách hàng khác	62.472.400.932	94.787.022.548
Cộng	237.944.358.506	272.265.608.604

4. Trả trước cho người bán

4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>		
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nhân Tâm	-	8.844.500.000
Công ty Cổ phần Thang máy Thiên Nam	710.160.000	-
Công ty TNHH Cơ điện lạnh Tuấn Ngọc	543.437.000	-
Công ty TNHH Tâm Chí Hòa	531.909.000	-
Các nhà cung cấp khác	245.911.200	565.650.000
Cộng	2.031.417.200	9.410.150.000

4b. Trả trước cho người bán dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>		
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Đại Phát	-	14.023.553.755
Cộng	-	14.023.553.755

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Ông Lê Tam Bình - Đầu tư cá nhân nguyên liệu	-	-	2.125.034.560	-
Bà Võ Thị Thuý Nga - Đầu tư cá nhân nguyên liệu	-	-	1.321.005.000	-
Ông Võ Hồng Phụng - đầu tư cá nhân nguyên liệu	294.150.000	-	-	-
Thuế TNDN tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng bất động sản	512.537.401	-	381.082.801	-
Tạm ứng	1.911.261.730	-	1.436.951.919	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	169.500.000	-	169.125.000	-
Cộng	2.887.449.131	-	5.433.199.280	-

6. Nợ quá hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức khác</i>				
Sea International	-	-	35.828.388.115	22.407.267.839
Các khách hàng khác	-	-	29.163.848.716	20.407.906.019
Cộng	-	-	35.828.388.115	22.407.267.839

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	13.421.120.276	9.121.172.727
Trích lập dự phòng bổ sung	26.719.105.868	7.024.680.125
Xử lý xóa sổ	(40.140.226.144)	(2.724.732.576)
Số cuối năm	-	13.421.120.276

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	17.185.273.150	-	10.260.347.139	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	217.059.623.615	-	190.482.969.469	-
Thành phẩm	209.294.262.806	-	46.597.671.683	-
Cộng	443.539.159.571	-	247.340.988.291	-

Toàn bộ thành phẩm tồn kho cuối năm có giá trị ghi sổ là 209.294.262.806 VND (số đầu năm là 46.597.671.683 VND) đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh V.18a).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.852.456.953	408.404.929
Chi phí thuê đất	516.159.420	-
Chi phí sửa chữa tài sản	2.959.799.974	286.149.608
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.180.835.908	825.078.997
Cộng	6.509.252.255	1.519.633.534

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.109.049.639	2.307.273.059
Chi phí gia cố bờ ao	2.140.423.734	2.086.928.304
Chi phí sửa chữa tài sản	2.257.862.701	635.404.699
Chi phí trả trước dài hạn khác	452.861.433	709.919.841
Cộng	6.960.197.507	5.739.525.903

9. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách cuối năm là 28.418.233.918 VND (số đầu năm 31.194.851.622 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh V.18a).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	26.848.170.860	67.569.995	26.915.740.855
Số cuối năm	26.848.170.860	67.569.995	26.915.740.855
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	67.569.995	67.569.995
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	5.844.975.184	67.569.995	5.912.545.179
Khấu hao trong năm	932.049.852	-	932.049.852
Số cuối năm	6.777.025.036	67.569.995	6.844.595.031
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	21.003.195.676	-	21.003.195.676
Số cuối năm	20.071.145.824	-	20.071.145.824

Một số quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách cuối năm là 18.144.777.224 VND (số đầu năm 19.076.827.076 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh V.18a).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	1.600.000.000	-	(1.600.000.000)	-
Chuyển nhượng đất Trà Vinh	1.600.000.000	-	(1.600.000.000)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	97.358.916.548	16.759.789.262	(187.215.000)	113.931.490.810
Công trình xây dựng dự án Gia Phúc - Nhà ở xã hội	97.358.916.548	16.759.789.262	(187.215.000)	113.931.490.810
Cộng	98.958.916.548	16.759.789.262	(1.787.215.000)	113.931.490.810

12. Phải trả người bán ngắn hạn

12a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty TNHH MTV Proconco Cần Thơ	62.322.024.329	24.535.819.936
Công ty Cổ phần Greenfeed Việt Nam	34.944.627.840	-
Võ Hồng Khanh	8.568.143.000	-
Trương Huỳnh Duy	9.227.089.500	-
Các nhà cung cấp khác	64.262.239.405	84.810.614.195
Cộng	179.324.124.074	109.346.434.131

12b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Nợ quá hạn của các nhà cung cấp khác</i>		
Các nhà cung cấp khác	115.336.565	115.336.565
Cộng	115.336.565	115.336.565

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Công ty Cổ phần Hải sản Trang Trại Xanh	56.400.000.000	-
Gulf Coast Sea Trade Corporation	-	1.007.348.778
W & T Seafood Corp.	-	1.223.795.615
Các khách hàng khác	60.484.413.366	94.383.770.589
Cộng	116.884.413.366	96.614.914.982

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

• Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hàng hóa xuất khẩu	0%
Hàng hóa tiêu thụ nội địa	Không chịu thuế, 5%, 10%
Dịch vụ	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 1, Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	56.892.820.417	22.222.583.291
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	8.152.703.287	15.523.301
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	65.045.523.704	22.238.106.592
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	65.045.523.704	22.238.106.592
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	13.009.104.741	4.447.621.319
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	441.467.419	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	13.450.572.160	4.447.621.319

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới đất dùng cho mục đích khác ở mức 5.000 VND/m³ với thuế suất 8% và nước mặt dùng cho mục đích khác ở mức 5.000 VND/m³ với thuế suất 3%.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với các diện tích đất đang sử dụng với mức tiền thuê theo quy định trong từng hợp đồng thuê đất.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng	3.627.260.090	6.380.483.726
Chi phí FSIS, lưu cont... nước ngoài	6.031.719.168	4.234.139.448
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.072.374.530	4.094.686.139
Cộng	<u>10.731.353.788</u>	<u>14.709.309.313</u>

17. Phải trả khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn	1.256.069.976	1.195.281.360
Bảo hiểm xã hội	1.230.695.403	7.982.681.013
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	19.100.000.000	16.000.000.000
Phải trả tiền đặt cọc dự án nhà ở xã hội	6.746.022.670	1.591.169.350
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.193.279.753	2.535.874.963
Các khoản phải trả khác	4.134.945.524	1.810.957.987
Cộng	<u>34.661.013.326</u>	<u>31.115.964.673</u>

17b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược dài hạn	-	8.206.143.150
Cộng	<u>-</u>	<u>8.206.143.150</u>

17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay

18a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng và tổ chức khác		
Vay ngắn hạn ngân hàng	377.529.300.000	267.584.037.525
- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Đồng Bằng Sông Cửu Long ⁽¹⁾	359.466.300.000	258.347.425.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- <i>Vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ</i> ⁽ⁱⁱ⁾	18.063.000.000	3.885.350.000
- <i>Vay Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội quận Ô Môn</i> ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	5.351.262.525
Cộng	<u>377.529.300.000</u>	<u>267.584.037.525</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Bằng Sông Cửu Long để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, ký L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.9 và V.10).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chế biến thủy sản với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.7 và V.10).
- (iii) Vay không có tài sản đảm bảo của Ngân hàng chính sách xã hội để trả lương ngừng việc tháng 8 năm 2021 và trả lương phục hồi sản xuất tháng 10 năm 2021 với lãi suất 0%/năm, thời hạn vay 11 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	267.584.037.525	301.744.920.000
Số tiền vay phát sinh	1.076.850.549.623	718.669.557.879
Số tiền vay đã trả	(965.153.925.270)	(752.830.440.354)
Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm	(1.751.361.878)	-
Số cuối năm	<u>377.529.300.000</u>	<u>267.584.037.525</u>

18b. *Vay quá hạn chưa thanh toán*

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.777.496.197	234.330.095
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	4.344.224.826	1.777.496.197
Chi quỹ trong năm	-	(234.330.095)
Số cuối năm	<u>6.121.721.023</u>	<u>1.777.496.197</u>

20. *Vốn chủ sở hữu*

20a. *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Võ Đông Đức	54.450.230.000	54.192.230.000
Các cổ đông khác	96.473.030.000	96.731.030.000
Cộng	150.923.260.000	150.923.260.000

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.092.326	15.092.326
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.092.326	15.092.326
- Cổ phiếu phổ thông	15.092.326	15.092.326
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (*)	1.358.309	1.358.309
- Cổ phiếu phổ thông	1.358.309	1.358.309
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.734.017	13.734.017
- Cổ phiếu phổ thông	13.734.017	13.734.017
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*) Số lượng cổ phiếu được mua lại với giá 7.000 VND/cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần.

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm số 33/NQ/ĐHĐCĐ.2022 ngày 20 tháng 5 năm 2022 như sau:

	<u>Số được phân phối</u>	<u>Số đã trích trong năm trước</u>	<u>Số trích trong năm nay</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông	19.227.623.800	-	19.227.623.800
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.777.496.197	1.777.496.197	-
• Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	710.998.479	710.998.479	-

Ngoài ra, Công ty cũng tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2022 theo Bảng phân phối lợi nhuận năm 2022 ngày 19 tháng 01 năm 2023 do Tổng Giám đốc duyệt như sau:

	<u>Số tiền</u>
• Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	: 1.587.375.352
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 3.968.438.380

Đồng thời, trong năm Công ty đã chi trả cổ tức các năm trước cho cổ đông với số tiền 18.377.274.430 VND (số năm trước là 2.535.874.963 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	3.495.097.290	2.460.121.419
Trên 01 năm đến 05 năm	8.902.375.461	7.808.357.676
Trên 05 năm	29.558.781.452	32.394.772.847
Cộng	<u>41.956.254.203</u>	<u>42.663.251.942</u>

21b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	389.515,09	410.012,14
Euro (EUR)	104,05	104,05

21c. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	
Blue is Inc	7.699.465.152	7.699.465.152	Không có khả năng thu hồi
Lotus Seafood	3.197.340.160	3.197.340.160	Không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Việt An	3.439.194.082	3.439.194.082	Không có khả năng thu hồi
AC Impot Inc	2.716.027.450	2.716.027.450	Không có khả năng thu hồi
Sea International	25.545.903.161	-	Không có khả năng thu hồi
Caseamex USA	6.664.539.399	-	Không có khả năng thu hồi
Khách hàng khác	7.929.783.584	-	Không có khả năng thu hồi
Cộng	<u>57.192.252.988</u>	<u>17.052.026.844</u>	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	1.324.750.854.559	956.875.101.091
Doanh thu cho thuê	410.170.328	430.128.127
Cộng	<u>1.325.161.024.887</u>	<u>957.305.229.218</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	4.485.070.800	10.618.006.200
Giảm giá hàng bán	5.983.009.660	-
Cộng	<u>10.468.080.460</u>	<u>10.618.006.200</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.045.535.903.608	756.597.985.475
Cộng	<u>1.045.535.903.608</u>	<u>756.597.985.475</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.930.000.000	1.100.000.000
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	10.069.434	4.178.576
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	17.622.572.446	1.373.985.409
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.230.696.719	2.356.220.351
Cộng	<u>22.793.338.599</u>	<u>4.834.384.336</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	18.551.242.987	20.245.711.844
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	10.907.930.665	2.336.391.900
Chi phí tài chính khác	7.470.632	-
Cộng	<u>29.466.644.284</u>	<u>22.582.103.744</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	11.385.104.386	24.256.538.950
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.403.584.037	21.013.327.933
Chi phí hoa hồng	8.641.965.218	-
Chi phí cước tàu CNF	116.333.506.467	80.858.043.977
Các chi phí khác	2.569.762.838	8.437.780.218
Cộng	<u>172.333.922.946</u>	<u>134.565.691.078</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	612.000.000	396.000.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	96.362.500	1.999.744.265
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	928.954.142
Thuế, phí và lệ phí	68.121.664	51.879.364
Dự phòng phải thu khó đòi	26.719.105.868	7.024.680.125
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.603.189.103	4.409.066.107
Các chi phí khác	950.276.755	731.941.917
Cộng	<u>33.049.055.890</u>	<u>15.542.265.920</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.187.717	4.545.455
Cộng	<u>4.187.717</u>	<u>4.545.455</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	212.123.598	15.523.301
Cộng	<u>212.123.598</u>	<u>15.523.301</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	43.442.248.257	17.774.961.972
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(4.344.224.826)	(1.777.496.197)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	39.098.023.431	15.997.465.775
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	13.734.017	13.734.017
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>2.847</u>	<u>1.165</u>

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay được tạm tính với mức trích 10% lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Bảng phân phối lợi nhuận năm 2022 ngày 19 tháng 01 năm 2023 do Tổng Giám đốc duyệt.

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.653.273.421.702	906.623.503.997
Chi phí nhân công	149.527.538.568	104.651.250.332
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.440.596.651	10.906.554.525
Chi phí dịch vụ mua ngoài	231.902.464.357	154.131.813.355
Chi phí khác	35.977.006.987	20.663.957.380
Cộng	<u>2.082.121.028.265</u>	<u>1.196.977.079.589</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên Ban kiểm soát

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay				
Ông Võ Đông Đức - Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	456.000.000	76.000.000	96.000.000	628.000.000
Ông Nguyễn Chí Thảo - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	360.000.000	60.000.000	120.000.000	540.000.000
Ông Nguyễn Thanh Giang - Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị	225.000.000	-	72.000.000	297.000.000
Bà Võ Thị Thúy Nga - Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị	378.800.000	63.760.000	72.000.000	514.560.000
Bà Lê Huỳnh Thanh Trúc - Thành viên Hội đồng quản trị	290.325.000	48.400.000	72.000.000	410.725.000
Ông Lê Thành Được - Phó Tổng Giám đốc	300.000.000	50.000.000	-	350.000.000
Ông Nguyễn Trí Tùng - Phó Tổng Giám đốc	300.000.000	50.000.000	-	350.000.000
Ông Phan Hoàng Duy - Phó Tổng Giám đốc	360.060.000	60.020.000	-	420.080.000
Ông Lý Quốc Tuấn - Trưởng Ban Kiểm soát	239.167.000	39.880.000	60.000.000	339.047.000
Bà Hồ Thị Cẩm Huỳnh - Thành viên Ban kiểm soát	234.703.000	39.120.000	60.000.000	333.823.000
Bà Nguyễn Thị Khánh Vân - Thành viên Ban kiểm soát	155.869.000	25.980.000	60.000.000	241.849.000
Cộng	3.299.924.000	513.160.000	612.000.000	4.425.084.000
Năm trước				
Ông Võ Đông Đức - Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	283.999.000	47.340.000	84.000.000	415.339.000
Ông Nguyễn Chí Thảo - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	250.120.000	41.700.000	60.000.000	351.820.000
Ông Nguyễn Thanh Giang - Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị	205.800.000	34.300.000	48.000.000	288.100.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Bà Võ Thị Thúy Nga - Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị	282.071.000	47.020.000	48.000.000	377.091.000
Bà Lê Huỳnh Thanh Trúc - Thành viên Hội đồng quản trị	219.307.000	36.560.000	48.000.000	303.867.000
Ông Lê Thành Đước - Phó Tổng Giám đốc	205.647.000	34.280.000	-	239.927.000
Ông Nguyễn Trí Tùng - Phó Tổng Giám đốc	238.304.000	39.720.000	-	278.024.000
Ông Phan Hoàng Duy - Phó Tổng Giám đốc	237.513.000	39.600.000	-	277.113.000
Ông Lý Quốc Tuấn - Trưởng Ban Kiểm soát	169.241.000	28.220.000	36.000.000	233.461.000
Bà Hồ Thị Cẩm Huỳnh - Thành viên Ban kiểm soát	170.035.000	28.340.000	36.000.000	234.375.000
Bà Nguyễn Thị Khánh Vân - Thành viên Ban kiểm soát	90.980.000	15.240.000	36.000.000	142.220.000
Cộng	2.353.017.000	392.320.000	396.000.000	3.141.337.000

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hoạt động chế biến cá tra fillet đông lạnh. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là dịch vụ (doanh thu từ hoạt động khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu, khoảng 0,031%). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trong nước	289.000.651.848	173.654.071.604
Nước ngoài	1.025.692.292.579	773.033.151.414
Cộng	1.314.692.944.427	946.687.223.018

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

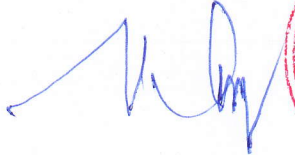
3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Cần Thơ, ngày 30 tháng 3 năm 2023



Nguyễn Thị Tuyết Hồng
Người lập



Nguyễn Khắc Chung
Kế toán trưởng



Võ Đông Đức
Tổng Giám đốc

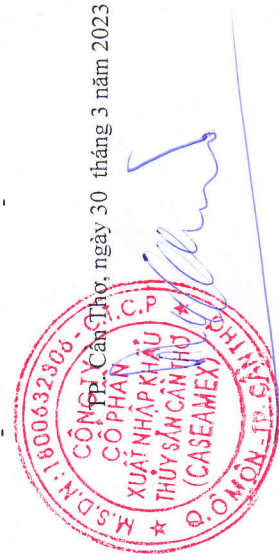
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	106.529.040.381	116.327.883.865	9.184.701.644	3.728.538.125	235.770.164.015
Mua trong năm	1.232.789.562	13.384.479.845	4.009.568.000	-	18.626.837.407
Thanh lý, nhượng bán	-	(118.420.000)	(969.745.455)	-	(1.088.165.455)
Số cuối năm	107.761.829.943	129.593.943.710	12.224.524.189	3.728.538.125	253.308.835.967
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	24.963.106.921	66.071.096.356	4.305.577.266	3.395.869.942	98.735.650.485
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	74.570.894.082	98.058.629.068	6.174.162.783	3.503.259.702	182.306.945.635
Khấu hao trong năm	6.291.370.145	3.661.475.806	509.967.216	45.733.632	10.508.546.799
Thanh lý, nhượng bán	-	(118.420.000)	(581.842.263)	-	(700.262.263)
Số cuối năm	80.862.264.227	101.601.684.874	6.102.287.736	3.548.993.334	192.115.230.171
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	31.958.146.299	18.269.254.797	3.010.538.861	225.278.423	53.463.218.380
Số cuối năm	26.899.565.716	27.992.258.836	6.122.236.453	179.544.791	61.193.605.796
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-



Ngày 30 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Thị Tuyết Hồng
Người lập

Nguyễn Khắc Chung
Kế toán trưởng

Võ Đông Đức
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 02: Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.734.943.382	13.450.572.160	(4.651.842.810)	12.533.672.732
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	282.760.448	131.454.600	(282.760.448)	131.454.600
Thuế thu nhập cá nhân	418.749.306	3.066.121.082	(2.809.175.278)	675.695.110
Thuế tài nguyên	4.536.000	50.569.080	(31.486.280)	23.618.800
Các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Cộng	4.440.989.136	16.703.716.922	(7.780.264.816)	13.364.441.242

Nguyễn Thị Tuyết Hồng
Người lập

Nguyễn Khắc Chung
Kế toán trưởng



Ngày 30 tháng 12 năm 2023

Wô Đông Đức
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THUY SÁN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

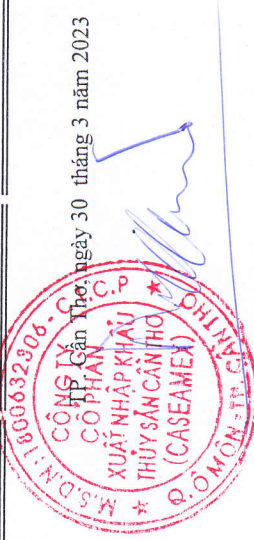
Phụ lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	150.923.260.000	56.789.552.000	(9.508.163.000)	2.508.094.861	8.861.985.056	6.204.701.418	215.779.430.335
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	17.774.961.972	17.774.961.972
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	710.998.479	(2.488.494.675)	(1.777.496.196)
Số dư cuối năm trước	150.923.260.000	56.789.552.000	(9.508.163.000)	2.508.094.861	9.572.983.535	21.491.168.715	231.776.896.111
Số dư đầu năm nay	150.923.260.000	56.789.552.000	(9.508.163.000)	2.508.094.861	9.572.983.535	21.491.168.715	231.776.896.111
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	43.442.248.257	43.442.248.257
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	1.737.689.930	(6.081.914.756)	(4.344.224.826)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	(19.227.623.800)	(19.227.623.800)
Số dư cuối năm nay	150.923.260.000	56.789.552.000	(9.508.163.000)	2.508.094.861	11.310.673.465	39.623.878.416	251.647.295.742

Nguyễn Thị Tuyết Hồng
Người lập

Nguyễn Khắc Chung
Kế toán trưởng



Võ Đông Đức
Tổng Giám đốc

